

kế hoạch về điều tra tổng hợp các yếu tố tự nhiên trong một khu vực lãnh thổ nhất định. Những thiếu sót đó cần được dần dần khắc phục trong kế hoạch 1976 — 1980.

Theo chỉ thị 127/CP ngày 24 tháng 5 năm 1974, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có nhiệm vụ tổng hợp từ kế hoạch điều tra của các ngành các bộ khác nhau, rồi cân đối kế hoạch điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên, trao đổi với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về các điều kiện thực hiện các kế hoạch đó. Sau khi hai cơ quan tổng hợp này đã trao đổi bàn bạc cân đối với nhu cầu phát triển được ghi trong kế hoạch dài hạn cũng như qui hoạch phát triển kinh tế lâu dài, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước trình Chính phủ thông qua và ban hành chỉ tiêu kế hoạch cho các ngành. Vì vậy, kế hoạch điều tra tài nguyên và điều

kiện thiên nhiên là một phần của kế hoạch khoa học kỹ thuật. Nhưng công tác điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên lại có những nét riêng cho nên cần tách khoản vốn chi dành riêng cho hoạt động này. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước sẽ căn cứ vào các đề tài nghiên cứu cũng như các nhiệm vụ điều tra cơ bản của các ngành (điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên) mà đề nghị Bộ Tài chính cấp phát. Vấn đề này cần sớm được qui định trong một thông tư liên bộ giữa Bộ Tài chính và Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Thiên nhiên phát sinh, phát triển, tồn tại và diệt vong theo qui luật nhất định. Kế hoạch hóa công tác điều tra này chính là nắm các qui luật đó nhằm khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên của đất nước một cách hợp lý nhất, có lợi nhất.

MỘT SỐ Í KIẾN VỀ CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN HÓA TRONG HAI NĂM 1976—1977

HOÀNG MẠNH TUẤN

Trong mấy năm gần đây, công tác tiêu chuẩn hóa được nhắc đến thường xuyên với những yêu cầu rất khẩn trương trong các quyết định, chỉ thị của Nhà nước. Quyết định 159 TTg ngày 7-7-1973 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quản lý chất lượng sản phẩm và hàng hóa trong thời gian tới nhấn mạnh : « Phải coi tiêu chuẩn hóa là một trong những cơ sở pháp lý và khoa học kỹ thuật quan trọng để thống nhất quản lý kinh tế — kỹ thuật, bảo đảm cho sản xuất đạt năng suất cao và sản phẩm có chất lượng tốt ». Chỉ thị 124 TTg ngày 15-4-1975 của Thủ tướng Chính phủ về « Đẩy mạnh việc thực hiện một số công tác nhằm tăng cường quản lý kỹ thuật » đã đề ra những yêu cầu về tiêu chuẩn hóa trong 3 năm 1975 — 1977 như sau :

— « Mỗi sản phẩm đều phải có tiêu chuẩn hoặc qui định mức chất lượng phù hợp với điều kiện kinh tế kỹ thuật của ta và phải được kiểm tra trước khi xuất xưởng hoặc phải được nghiệm thu trước khi sử dụng ».

— « Phải công bố tiêu chuẩn chất lượng cho người sử dụng biết ».

— « Việc cân đối kế hoạch, việc đánh giá và việc cung cấp vật tư phải dựa trên cơ sở tiêu chuẩn và qui định kỹ thuật đã ban hành. Việc ký hợp đồng phải theo tiêu chuẩn và mẫu hàng, phải xử lý nghiêm khắc đối với cơ quan vi phạm hợp đồng ».

Thực hiện những quyết định, chỉ thị của Nhà nước, trong mấy năm qua công tác tiêu chuẩn hóa đã được đẩy mạnh thêm một bước

ở các ngành và các địa phương. Một số bộ như Bộ I tế, Bộ Cơ khí — luyện kim, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Ngoại thương đã có nhiều cố gắng trong các mặt hoạt động về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn. Bộ Xây dựng, Bộ Lương thực — thực phẩm, Bộ Nội thương, Tổng cục Bưu điện, Tổng cục Thủy sản... gần đây có nhiều chuyển biến tốt về công tác tiêu chuẩn hóa. Phong trào tiêu chuẩn hóa ở các địa phương trong hai năm qua cũng bắt đầu được mở rộng. Ngoài Hải-phòng và Thái-bình, năm 1975 đã có hàng loạt địa phương triển khai khá tích cực công tác này như Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tây, Hòa-bình, Hà-giang. Một số địa phương trước đây hoạt động yếu như Hà-nội, Lạng-sơn, Bắc-thái, Vĩnh-phú, trong năm qua đã có những cố gắng bước đầu.

Nhưng rõ ràng, so với yêu cầu phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật hiện nay và nhất là trong thời gian tới, công tác tiêu chuẩn hóa còn cần phải được đẩy mạnh với qui mô rộng lớn và tốc độ rất khẩn trương mới có thể đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Bước vào giai đoạn kiến thiết trong hòa bình của cả hai miền đất nước thống nhất, chúng tôi xin điểm qua một số nét về tình hình hoạt động tiêu chuẩn hóa ở nước ta trong những năm qua và đề cập tới một số nhiệm vụ cần tiến hành trong hai năm tới

đề đẩy mạnh hơn nữa công tác này nhằm đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao trong giai đoạn lịch sử mới của đất nước.

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN HÓA TRONG NHỮNG NĂM QUA

Công tác tiêu chuẩn hóa được chính thức tiến hành trong phạm vi Nhà nước ở nước ta từ năm 1962 tới nay. Qua hơn 14 năm hoạt động, chúng ta đã đạt được một số kết quả chính trong việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn như sau :

1. Về việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn

Tính đến 31-12-1975, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã tổ chức nghiên cứu xây dựng và ban hành 1775 tiêu chuẩn Nhà nước cho những sản phẩm quan trọng của các ngành kinh tế quốc dân, trong đó có khoảng 40% tiêu chuẩn về cơ khí và trên 35% tiêu chuẩn về i tế (bảng 1). Bên cạnh việc tham gia xây dựng các tiêu chuẩn Nhà nước, các bộ, các tổng cục trong thời gian qua đã tổ chức xây dựng và ban hành trên 1100 tiêu chuẩn cho những sản phẩm chính của ngành (bảng 2).

Tình hình xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn địa phương được nêu trong bảng 3.

Bảng 1

Bảng 2

Nhóm tiêu chuẩn Nhà nước (TCVN)	Tỉ lệ số tiêu chuẩn trong nhóm trong tổng số tiêu chuẩn Nhà nước đã ban hành
1. Cơ khí	40%
2. I tế	35%
3. Những vấn đề chung	4,1%
4. Luyện kim	3,2%
5. Công nghiệp nhẹ	3,1%
6. Nông nghiệp	2,7%
7. Thực phẩm	1,4%
8. Lâm nghiệp	2%
9. Điện	2%
10. Xây dựng	2,7%
11. Hóa chất	1,7%
12. Mỏ	0,9%
13. Đo lường	dưới 0,5%
14. Giao thông vận tải	dưới 0,5%
15. Thông tin bưu điện	dưới 0,5%

Bộ, Tổng cục	Số tiêu chuẩn ngành đã ban hành
1. Bộ Cơ khí — luyện kim	356 TCN
2. Bộ I tế	254 TCN
3. Bộ Giao thông vận tải	106 TCN
4. Bộ Ngoại thương	88 TCN
5. Bộ Lương thực — thực phẩm	72 TCN
6. Bộ Điện than	62 TCN
7. Bộ Xây dựng	50 TCN
8. Tổng cục Thủy sản	34 TCN
9. Tổng cục Bưu điện	26 TCN
10. Bộ Công nghiệp nhẹ	21 TCN
11. Bộ Nội thương	21 TCN
12. Ủy ban Nông nghiệp T.U.	17 TCN
13. Bộ Thủy lợi	7 TCN
14. Tổng cục Hóa chất	6 TCN

Bảng 3

Tỉnh, thành phố	Số tiêu chuẩn địa phương đã ban hành	
1. Thành phố Hải-phòng	19	TCV
2. Tỉnh Hà-giang	15	TCV
3. Tỉnh Nghệ-an	10	TCV
4. Tỉnh Quảng-ninh	8	TCV
5. Tỉnh Thái-bình	7	TCV
6. Tỉnh Hòa-bình	6	TCT
7. Tỉnh Hà-tây	3	TCV
8. Tỉnh Bắc-thái	2	TCV
9. Tỉnh Thanh-hóa	1	TCV
10. Tỉnh Hà-bắc	1	TCV

Ngoài những tiêu chuẩn cấp trên đã được ban hành, trong mấy năm trở lại đây các xí nghiệp cũng đã xây dựng tiêu chuẩn cho những sản phẩm chính của xí nghiệp sản xuất ra. Theo thống kê chưa đầy đủ, tới cuối năm 1975 có hơn 1 000 tiêu chuẩn xí nghiệp được ban hành, tập trung ở các xí nghiệp của Bộ I tế, Bộ Cơ khí - luyện kim, Bộ Lương thực - thực phẩm, Bộ Công nghiệp nhẹ v.v...

2. Về việc áp dụng các tiêu chuẩn vào thực tiễn

Trong một số năm gần đây, việc phổ biến áp dụng tiêu chuẩn đã bắt đầu được chú ý tiến hành ở một số cơ sở thuộc các ngành, các địa phương khác nhau. Mặc dù thời gian áp dụng chưa lâu, lại gặp nhiều trở ngại trong chiến tranh và những khó khăn về thiết bị vật tư, về nhận thức, về tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện..., nhưng một số tiêu chuẩn cũng đã bước đầu thâm nhập vào thực tế, phát huy tác dụng trong sản xuất và đời sống. Các tiêu chuẩn đã tạo điều kiện đề từng bước xác định được một cách cụ thể phương án sản phẩm, khắc phục tình hình sản xuất phân tán, tùy tiện, tình trạng phức tạp, đa dạng không hợp lý về cỡ, loại, kích thước sản phẩm, tạo điều kiện đề tổ chức sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động, ổn định và nâng cao dần chất lượng sản phẩm. Một số bộ, tổng cục và địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc giúp các xí nghiệp thực hiện tiêu chuẩn. Các tổ chức thiết kế (Viện Thiết kế máy công nghiệp và Viện Thiết kế máy nông nghiệp thuộc Bộ Cơ khí - luyện kim, Viện Thiết kế công nghiệp Hải-phòng, các phòng thiết kế ở các nhà máy cơ khí trung ương và địa phương...) đã tích cực đưa các tiêu chuẩn Việt-nam, tiêu chuẩn ngành vào áp

dụng trong công tác thiết kế và tăng cường khâu kiểm tra tiêu chuẩn các bản vẽ. Những tiêu chuẩn Nhà nước về bản vẽ cơ khí, dung sai lắp ghép, chỉ tiết lắp xiết, xe kéo tay 250, gạch ngói, gỗ tròn, gỗ xẻ, đồ gỗ, quần áo nam, nữ và trẻ em, nước mắm, bánh mì, giống lợn ỉ, giống lợn Móng-cái v.v... cũng như những tiêu chuẩn ngành về mì sợi, nước chấm, đường, rượu, dầu lạc v.v... đã được nhiều tỉnh, thành phố phổ biến và áp dụng trong sản xuất. Nhiều tiêu chuẩn về được phẩm đã góp phần tích cực trong việc bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Các xí nghiệp được phẩm hiện nay đã thực hiện cả 4 cấp tiêu chuẩn theo qui định. Qua thực hiện theo tiêu chuẩn, tỉ lệ được phẩm phải bảo chế lại hoặc hủy bỏ chỉ còn 0,5% so với 5 - 10% trước đây. Do coi trọng việc bảo đảm các chỉ tiêu chất lượng theo qui định của tiêu chuẩn, trong năm 1974 và 6 tháng đầu năm 1975, các xí nghiệp được phẩm 1, 2, 3 và xí nghiệp hóa được thuộc Bộ I tế đã đạt từ 95,95% đến 98,82% sản phẩm loại A, vượt chỉ tiêu chất lượng của Bộ đề ra. Tại 8 xí nghiệp thi điểm quản lý chất lượng sản phẩm năm 1975 thuộc Bộ Cơ khí - luyện kim, Bộ Điện - than, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Lương thực thực phẩm và Tổng cục Hóa chất, công tác kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn và các qui định tạm thời về chất lượng đã được tiến hành thường xuyên và định kỳ, bảo đảm cho chất lượng sản phẩm được khá ổn định. Một số tổng công ti và công ti thuộc Bộ Ngoại thương và Bộ Nội thương đã bắt đầu thực hiện việc ký kết hợp đồng theo tiêu chuẩn. Các xí nghiệp đã chú ý hơn việc thực hiện theo tiêu chuẩn và đã tiến hành thủ tục xin ngoại lệ trong trường hợp có khó khăn không bảo đảm được chỉ tiêu nêu trong tiêu chuẩn.

Các cơ sở may mặc, xí nghiệp gỗ của thành phố Hải-phòng sau khi áp dụng các TCVN về cỡ số quần áo và kích thước các đồ gỗ đã tiết kiệm được khá nhiều vật liệu và thời gian sản xuất. Chỉ tính riêng trong 8 tháng (từ tháng 1 đến tháng 8 năm 1975) các cơ sở may mặc của Công ti Vải sợi may mặc Hải-phòng đã tiết kiệm được 16 707 mét vải. Một số cơ sở sản xuất trong tỉnh Nghệ-an, do tổ chức áp dụng tốt các TCVN và TCN, nên chất lượng một số mặt hàng như xe kéo tay, đồ gỗ, gạch ngói, dầu lạc... năm 1975 đã được nâng cao hơn so với năm 1974. Tỉnh Bắc-thái sau khi áp dụng TCVN về gỗ tròn, gỗ xẻ đã xác định lại việc phân loại gỗ và thu hồi được hàng vạn đồng do trước đây phân loại

sai. Qua số liệu của một số xí nghiệp khi áp dụng các TCVN về bàn, ghế, giường, tủ, cứ 1 000 ghế tựa sản xuất theo TCVN thì tiết kiệm được 11 m³ gỗ tròn, 1 000 bàn làm việc một ô kéo — tiết kiệm được 25,6 m³ gỗ tròn, 1 000 giường — tiết kiệm được 28,8 m³ gỗ tròn so với các kích thước cũ trước đây.

Tại một số tỉnh, thành phố như Hải-phòng, Thái-bình, Nghệ-an, Thanh-hóa, Bắc-thái, Hòa-bình..., Ban Khoa học kĩ thuật đã phối hợp khá chặt chẽ với các cơ quan quản lí tổng hợp của địa phương như Ủy ban Kế hoạch, Ủy ban Vật giá, Tài chính, Hội đồng trọng tài... trong việc thực hiện các biện pháp giúp đỡ, khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn cũng như trong việc bắt buộc các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong địa phương phải thực hiện theo tiêu chuẩn.

3. Những tồn tại chính trong thời gian qua

Tuy công tác tiêu chuẩn hóa đã bước đầu được hình thành và phát huy tác dụng trong một số lĩnh vực, nhưng nhìn chung, tình hình tiến hành công tác này trong thời gian qua còn quá chậm chạp so với yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân, thể hiện qua những tồn tại chính dưới đây:

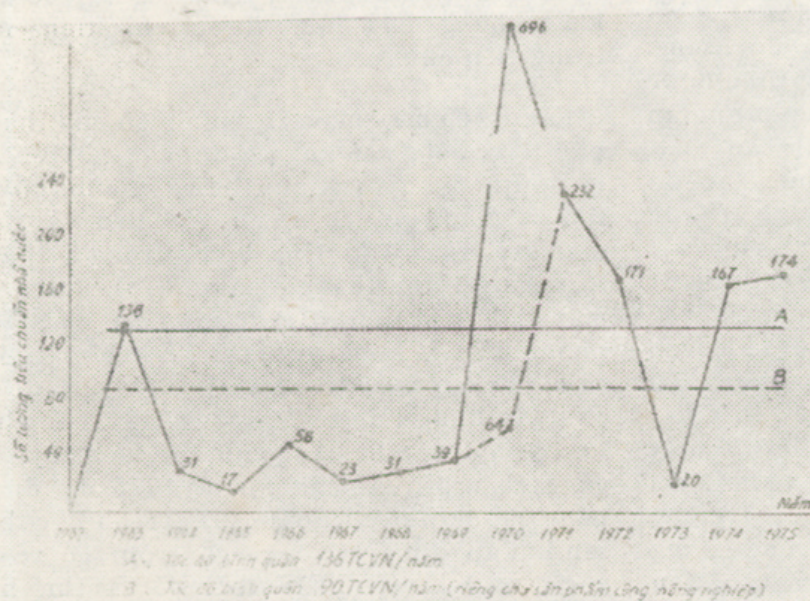
a. Tốc độ xây dựng tiêu chuẩn còn quá chậm; số tiêu chuẩn ban hành còn quá ít và không đồng bộ; thời gian xây dựng tiêu chuẩn còn kéo dài.

Tính bình quân trong 13 năm, mỗi năm chúng ta mới xây dựng đề ban hành được 136 TCVN (xem biểu đồ), dưới 100 TCN, dưới 10 TCV, và dưới 100 tiêu chuẩn xí nghiệp.

Tốc độ đó quá chậm so với yêu cầu phát triển kinh tế. Nhiều sản phẩm quan trọng của nền kinh tế quốc dân có liên quan đến nhiều ngành, đến đời sống nhân dân, đến xuất khẩu vẫn chưa được tiêu chuẩn hóa ở cấp Nhà nước và cấp ngành. Số tiêu chuẩn của một số ngành trọng điểm như nguyên, nhiên, vật liệu, nông, lâm, ngư nghiệp, tiêu dùng còn quá ít. Ngành cơ khí tuy đã xây dựng được một số lượng tiêu chuẩn tương đối nhiều so với các ngành khác, nhưng so với yêu cầu chỉ riêng cho bản thân ngành cơ khí, số lượng tiêu chuẩn đó cũng vẫn còn quá ít.

Nguyên nhân chính của tồn tại trên là do nhiều cấp lãnh đạo và nhiều cán bộ chưa quan tâm đúng mức tới việc chỉ đạo và tham gia xây dựng các đề tài tiêu chuẩn các cấp. Trong nhiều năm, kế hoạch tiêu chuẩn hóa chưa mang tính pháp lệnh và chưa thực sự gắn với kế hoạch kinh tế quốc dân. Gần đây, Nhà nước đã giao trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn đồng thời với việc giao kế hoạch sản xuất, nhưng việc thực hiện vẫn còn chưa nghiêm túc, việc đôn đốc, chỉ đạo và đánh giá hoàn thành kế hoạch cuối năm về xây dựng tiêu chuẩn còn bị buông lơi. Số cơ quan, xí nghiệp, số cán bộ khoa học kĩ thuật tham gia xây dựng tiêu chuẩn còn quá ít. Phương pháp xây dựng tiêu chuẩn chưa được cải tiến để đầy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng hơn nữa.

b. Các tiêu chuẩn đã ban hành chưa được phổ biến, hướng dẫn kịp thời và chưa được kiểm tra chặt chẽ trong quá trình thực hiện. Tình pháp lệnh của tiêu chuẩn chưa được tôn trọng. Việc áp dụng các tiêu chuẩn ở các



Biểu đồ diễn biến tốc độ ban hành các tiêu chuẩn Việt-nam trong 13 năm (từ năm 1963 đến năm 1975).

cơ sở nói chung còn rất tùy tiện, nhất là khâu chuẩn bị sản xuất và sản xuất, các khâu có liên quan đến quản lý kinh tế. Số tiêu chuẩn ban hành đã ít, nhưng việc phổ biến, hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở trong việc áp dụng lại quá chậm chạp, có khi không được đặt ra, do đó tiêu chuẩn không phát huy được tác dụng. Việc in và phát hành tiêu chuẩn chưa bảo đảm đầy đủ và kịp thời. Việc thông báo, hướng dẫn của các cơ quan ban hành tiêu chuẩn làm chưa tốt. Việc quan tâm chỉ đạo áp dụng tiêu chuẩn của các bộ, các tổng cục, các địa phương còn quá nhẹ. Các cơ quan quản lý tổng hợp của Nhà nước, các cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh còn chưa có những biện pháp thiết thực đề yêu cầu và giúp đỡ các xí nghiệp trong việc thực hiện tiêu chuẩn. Thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp thiếu chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tiêu chuẩn tại cơ sở mình. Đứng là việc áp dụng tiêu chuẩn có gặp nhiều khó khăn khách quan, nhưng một số cơ sở lại quá nhấn mạnh vào những khó khăn đó để không chấp hành tiêu chuẩn một cách nghiêm chỉnh. Tình hình đó làm cho nhiều tiêu chuẩn chưa thực sự thâm nhập vào sản xuất một cách phổ biến, chưa trở thành công cụ sắc bén để quản lý chất lượng sản phẩm, để nâng cao năng suất lao động và cải tiến quản lý kinh tế.

Nguyên nhân chính của tồn tại này, một phần, do nhận thức, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp còn chưa đúng mức, phần khác do chưa gắn bó chặt chẽ giữa tiêu chuẩn hóa với các công tác kế hoạch hóa, vật tư, vật giá, hợp đồng kinh tế..., và những mặt công tác trên hiện nay chưa tạo điều kiện để các tiêu chuẩn có thể thâm nhập và phát huy tác dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Hệ thống tổ chức chuyên trách công tác tiêu chuẩn hóa và mạng lưới các cơ quan xây dựng tiêu chuẩn còn quá yếu. Cho tới nay một số nơi (như Bộ Giao thông - vận tải, Bộ Điện - than, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Hóa chất...) chỉ mới cử cán bộ kiêm nhiệm để làm công tác này; số cán bộ này lại thường bị điều động, chuyển chuyên môn; nhiều xí nghiệp chưa cử cán bộ theo dõi công tác xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn trong xí nghiệp. Chính vì hệ thống chuyên trách quá yếu như vậy nên các bộ phận tiêu chuẩn hóa chưa làm tốt được nhiệm vụ giúp lãnh đạo các cơ quan, xí nghiệp triển khai công tác này một cách thực sự trong đơn vị mình.

Mạng lưới các cơ quan xây dựng tiêu chuẩn

các cấp cũng chưa được hình thành rộng rãi và chưa được giao nhiệm vụ chính thức, rõ ràng trong những năm trước đây, cũng như chưa có sự kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch trong những năm gần đây.

Việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tiêu chuẩn hóa tuy có làm, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về nâng cao trình độ và chất lượng công việc.

...

Tại miền Nam, công tác tiêu chuẩn hóa được phát triển từ năm 1967, nhưng tới nay mới nằm trong phạm vi hoạt động của Viện Định chuẩn là chính. Các ngành kinh tế, các xí nghiệp công nghiệp hầu như chưa có hoạt động gì đáng kể ngoài việc tham khảo và áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài. Viện Định chuẩn tiến hành việc biên soạn, ban hành và phổ biến các tiêu chuẩn, kiểm phẩm và trắc nghiệm sản phẩm. Từ năm 1968 tới cuối năm 1974, Viện Định chuẩn đã xây dựng và ban hành 120 tiêu chuẩn với tính chất khuyến khích áp dụng cho các sản phẩm tiêu dùng, lương thực thực phẩm, hóa chất v.v... Trong dự kiến, Viện Định chuẩn cũng sẽ phụ trách cả công tác đo lường và công tác cấp dấu hiệu chất lượng sản phẩm cho các xí nghiệp, nhưng trên thực tế những việc này chưa tiến hành được.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Viện Định chuẩn đã được ta tiếp quản và tiến hành các biện pháp chuẩn bị để tiếp tục hoạt động.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN HÓA TRONG CÁC NĂM 1976 - 1977

Năm 1976, nhiều nhiệm vụ lớn đang đặt ra cho cả hai miền Nam Bắc nước ta, trong đó có nhiệm vụ phải phát triển mạnh hơn nữa công tác tiêu chuẩn hóa trong toàn quốc, làm cơ sở cho việc phục hồi và phát triển kinh tế, nhanh chóng đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Báo cáo của Hội đồng Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa 5 (tháng 12 năm 1975) về nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1976 đã yêu cầu phải «*đẩy mạnh tốc độ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn các cấp, đặc biệt là tiêu chuẩn cấp Nhà nước và cấp ngành*», và đề cập tới nhiệm vụ phải «*phát huy tác dụng của công tác kiểm tra chất lượng sản*

phẩm và công trình, công tác tiêu chuẩn hóa, đo lường, chú ý tăng cường về mặt tổ chức đối với công tác này».

Trong 5 năm tới, chúng ta cần có những biện pháp tích cực để đẩy mạnh tốc độ xây dựng tiêu chuẩn các cấp, đặc biệt là tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành, với tốc độ ít nhất là gấp 3 - 4 lần những năm qua, làm cơ sở pháp lý để Nhà nước thống nhất quản lý kinh tế và quản lý kĩ thuật. Tiêu chuẩn Nhà nước sẽ tập trung vào các sản phẩm cơ khí, hàng xuất khẩu và một số nguyên, nhiên, vật liệu, lương thực, thực phẩm, vật dụng quan trọng. Tiêu chuẩn ngành sẽ tập trung vào các sản phẩm quan trọng còn lại (mà Nhà nước chưa có điều kiện tiêu chuẩn hóa) và những sản phẩm cần được thống nhất quản lý trong ngành. Theo yêu cầu của quản lý kinh tế trong địa phương, một số sản phẩm có thể được qui định trong tiêu chuẩn cấp địa phương. Đối với tất cả những sản phẩm còn lại, tối thiểu phải có tiêu chuẩn xí nghiệp.

Trong quá trình áp dụng, các tiêu chuẩn đã ban hành phải trở thành pháp lệnh đối với sản xuất, kinh doanh và các hoạt động có liên quan, Việc giao kế hoạch, đánh giá hoàn thành kế hoạch, việc cung cấp vật tư, trang bị thiết bị, việc định giá sản phẩm, chỉ đạo sản xuất, kí hợp đồng mua bán, cung tiêu, gia công hay xuất, nhập khẩu hàng hóa, đều phải được tiến hành trên cơ sở các tiêu chuẩn.

Với phương hướng đó, theo ý chúng tôi trong hai năm tới, công tác tiêu chuẩn hóa cần được tập trung vào những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Tập trung đẩy nhanh tốc độ xây dựng tiêu chuẩn các cấp, chú ý soát, xét, sửa đổi lại một số tiêu chuẩn đã ban hành không còn phù hợp với tình hình mới. Theo Quyết định 229-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 26-12-1975, trong năm 1976 có 118 đề tài cấp Nhà nước về tiêu chuẩn và qui phạm (trong đó có 112 đề tài tiêu chuẩn) được giao cho các cơ quan nghiên cứu, thiết kế, các cơ sở sản xuất... biên soạn. Việc tổ chức nghiên cứu xây dựng các đề tài này cần được tiến hành khẩn trương, cần điều tra kĩ tình hình chung cả nước để bảo đảm cho tiêu chuẩn có nội dung thích hợp. Các cơ quan biên soạn cần bố trí các cán bộ có năng lực tham gia vào việc nghiên cứu, chú ý cải tiến phương pháp để vừa nâng cao chất lượng tiêu chuẩn, vừa rút ngắn được thời gian biên soạn tiêu chuẩn. Các cơ quan cấp trên của cơ quan

biên soạn cần thường xuyên đôn đốc kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch và giúp giải quyết những khó khăn về nhân lực, tài chính, vật tư... trong quá trình nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn. Từ năm 1976 trở đi, khi đánh giá hoàn thành kế hoạch của các cơ sở, cần xét đến chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn các cấp mà cơ sở được giao. Tốc độ xây dựng các tiêu chuẩn ngành cần được chú ý đẩy nhanh để khắc phục tình trạng chậm trễ vừa qua. Trong hai năm 1976 - 1977, đối với các sản phẩm chưa được tiêu chuẩn hóa ở cấp Nhà nước, ngành và địa phương thì các bộ, tổng cục và địa phương cần chỉ đạo các xí nghiệp xây dựng tiêu chuẩn xí nghiệp.

Từ 6 tháng cuối năm 1976, có thể nghiên cứu đề đưa thêm vào kế hoạch một số đề tài do các cơ sở ở miền Nam biên soạn cho một số sản phẩm quan trọng, có tính đặc thù của miền Nam.

2. Đẩy mạnh công tác phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn các cấp vào mọi khâu trong thực tiễn: từ nghiên cứu thiết kế, chế tạo, thi công, lưu thông phân phối đến giảng dạy, vận hành, sử dụng sản phẩm, từ việc giao kế hoạch, cung cấp vật tư, qui định giá cả đến việc kí hợp đồng, xử lí các tranh chấp. Tại các cơ sở, việc xây dựng kế hoạch áp dụng tiêu chuẩn cần tiến hành song song với việc lập kế hoạch sản xuất hằng năm, và khi đánh giá hoàn thành kế hoạch cuối năm ở xí nghiệp, phải xét đến việc hoàn thành kế hoạch về áp dụng tiêu chuẩn ở cơ sở. Theo qui định trong Quyết định 290-CP (Điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa ở xí nghiệp công nghiệp), tại các cơ sở sản xuất, giám đốc xí nghiệp phải là người chịu trách nhiệm trước tiên trong việc đưa tiêu chuẩn vào áp dụng ở cơ sở mình. Xí nghiệp phải tiến hành các biện pháp tổ chức - kinh tế - kĩ thuật để áp dụng tiêu chuẩn. Trường hợp gặp những khó khăn, bản thân xí nghiệp không thể tự giải quyết được, cần nhanh chóng có những kiến nghị cụ thể lên cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan khác có liên quan để yêu cầu giải quyết. Chỉ khi nào không còn biện pháp gì để bảo đảm cho việc thực hiện kịp thời và đúng các qui định của tiêu chuẩn, xí nghiệp mới làm đơn xin ngoại lệ tới cơ quan ban hành tiêu chuẩn để xin chậm chước trong một thời gian nhất định.

Trường hợp vi phạm tiêu chuẩn, cần xử lí theo điều 19 trong Quyết định 290 - CP ngày 30-12-1974 của Hội đồng Chính phủ.

Trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn, các

cơ quan quản lý cấp trên của xí nghiệp cần có sự chỉ đạo chặt chẽ, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và có những biện pháp thiết thực để giúp xí nghiệp giải quyết những khó khăn có liên quan đến việc đưa tiêu chuẩn vào sản xuất.

Các cơ quan quản lý kinh tế - kỹ thuật có mối liên quan rất chặt chẽ tới việc đưa các tiêu chuẩn vào sản xuất; thiếu sự tham gia hỗ trợ của các cơ quan này, nhiều khi tiêu chuẩn không thể thực hiện được. Do đó, trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn phải có sự kết hợp rất chặt giữa các cơ quan: kế hoạch, vật tư, vật giá, tài chính, tiêu chuẩn, đo lường, kiểm tra chất lượng... để tạo điều kiện đồng bộ cho việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

3. Tăng cường hệ thống chuyên trách tiêu chuẩn hóa từ trung ương tới các cơ sở theo yêu cầu của các Nghị định 123-CP và Quyết định 290-CP của Hội đồng Chính phủ về công tác tiêu chuẩn hóa, mà trước hết là ở các bộ, tổng cục, địa phương có tỉ trọng sản phẩm lớn trong nền kinh tế và ở các cơ sở sản xuất quan trọng. Cần nhanh chóng mở rộng mạng lưới các cơ quan biên soạn tiêu chuẩn cấp Nhà nước và cấp ngành, trước hết là ở các viện nghiên cứu, viện thiết kế, trường đại học... Trong năm 1976, Cục Tiêu chuẩn sẽ tiếp tục mở một số lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa cho cán bộ làm công tác này ở các ngành, các địa phương. Cũng cố tổ chức và đào tạo cán bộ là công tác hết sức quan trọng cần được các cấp quan tâm đẩy mạnh trong hai năm tới để tạo cơ sở vững chắc cho tiêu chuẩn hóa phát triển mạnh hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Về vấn đề này, tại hội nghị tổng kết 10 năm tiêu chuẩn hóa, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh: «Tất cả mọi người có liên quan từ trên xuống dưới trong nền kinh tế quốc dân phải tham gia làm công tác tiêu chuẩn hóa, phải cố gắng thực hiện tiêu chuẩn hóa trong phạm vi trách nhiệm của mình... Để làm việc này, ở các ngành, các địa phương, thế nào cũng phải có tổ chức, không có tổ chức thì không làm gì được. Phải có bộ máy, phải có đội ngũ cán bộ chuyên, vì đây là việc không dễ... Phải có một hệ thống tổ chức tiêu chuẩn hóa từ trên xuống dưới, đến tận xí nghiệp. Ở các xí nghiệp, nhất thiết phải có tổ chức, phải tập trung lực lượng lại để làm. Hệ thống tổ chức này phải phát huy được tác dụng trước hết ở cơ sở. Những người lãnh đạo ở cơ sở

và quần chúng công nhân, quần chúng lao động ở các cơ sở đều phải tham gia công tác này. Nhưng nếu không có người chuyên trách thì làm sao được! Đây là một công trình, nó đòi hỏi phải có kiến thức, có kinh nghiệm, có sáng tạo, phải có người giỏi, có trình độ kỹ thuật đã đành mà còn phải có trình độ về quản lý nữa» (1).

Bên cạnh ba nhiệm vụ lớn nêu trên, trong hai năm 1976 - 1977 còn nhiều nhiệm vụ cần thiết phải tiến hành để phát triển công tác tiêu chuẩn hóa như:

- Nghiên cứu xây dựng điều lệ chính thức về tiêu chuẩn hóa chung cho cả nước (thay thế điều lệ tạm thời) làm cơ sở cho việc tổ chức và chỉ đạo công tác này trong toàn quốc trong những năm sắp tới. Nghiên cứu một số chế độ, chính sách nhằm khích lệ việc thực hiện tốt các tiêu chuẩn và xử lý những trường hợp vi phạm tiêu chuẩn.

■ - Tiếp tục nghiên cứu những vấn đề về lý luận và nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa, giúp cho công tác chỉ đạo các mặt hoạt động tiêu chuẩn hóa tiến hành với hiệu suất cao, chất lượng tốt. Chú trọng nghiên cứu vấn đề hiệu quả kinh tế của tiêu chuẩn hóa và vận dụng công cụ toán học trong công tác tiêu chuẩn hóa.

■ - Thúc đẩy công tác thông tin tư liệu, cung cấp kịp thời và đầy đủ các tin tức, tư liệu cần thiết cho việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong mọi đối tượng.

- Đưa dần nội dung tiêu chuẩn hóa vào chương trình đào tạo của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, các trường đào tạo công nhân. Đưa nội dung các tiêu chuẩn vào giáo trình và soát, xét, sửa đổi lại nội dung các sổ tay kỹ thuật, các giáo trình có liên quan đến các tiêu chuẩn đã ban hành.

- Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa với các nước xã hội chủ nghĩa, với các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và một số tổ chức tiêu chuẩn hóa các nước khác để trao đổi tài liệu, kinh nghiệm và đào tạo cán bộ.

Năm 1977 là năm thứ 15 công tác tiêu chuẩn hóa được chính thức tiến hành ở

(1) Lược ghi bài nói của Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại hội nghị tổng kết 10 năm tiêu chuẩn hóa, Tạp chí Hoạt động khoa học, số 6-1972.

nước ta, kể từ khi Chính phủ có quyết định thành lập cơ quan tiêu chuẩn hóa trung ương. Từ tháng 4 năm 1976 đến tháng 4 năm 1977, chúng ta sẽ tiến hành các hoạt động chuẩn bị đề tổng kết 15 năm tiêu chuẩn hóa trong toàn quốc, cũng như trong từng ngành, từng địa phương. Đây cũng là một dịp để chúng ta nhìn lại cả một chặng đường đã đi qua, đúc kết kinh nghiệm và xây dựng

một chương trình hoạt động toàn diện hơn với qui mô rộng hơn trong giai đoạn tới.

Những hoạt động tiêu chuẩn hóa trong hai năm 1976 - 1977 sẽ tạo điều kiện vững chắc cho công tác tiêu chuẩn hóa ở nước ta phát triển trong các năm tiếp theo. Việc đó chỉ có thể thực hiện có kết quả nếu có sự tham gia tích cực, rộng rãi của mọi ngành, mọi địa phương và mọi cơ sở.

CÔNG TÁC ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN THỰC VẬT Ở NƯỚC TA

PHAN KẾ LỘC

Công tác điều tra nghiên cứu tài nguyên thực vật phải bao gồm nhiều bước nối tiếp nhau và có quan hệ chặt chẽ với nhau, bắt đầu từ việc phát hiện các nguồn nguyên liệu và sản phẩm thực vật, các loài và các quần thể thực vật có ích mới, và kết thúc ở chỗ xây dựng cơ sở khoa học kĩ thuật để đem sử dụng chúng trong thực tiễn.

Có thể xếp nội dung các bước đó thành 6 lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu sau đây: 1) thực vật học; 2) lí hóa học; 3) sinh hóa học; 4) khai thác, chế biến và sử dụng; 5) thuần hóa và tạo giống; 6) kinh tế. Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày một số ý kiến về nội dung của các lĩnh vực nghiên cứu đó.

NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ THỰC VẬT HỌC

Đối với từng loài thực vật có ích, nội dung của những nghiên cứu về thực vật học gồm có:

1 - *Định loại*. Đây không phải là một việc làm hình thức, tức là tìm cho loài thực vật đó một tên khoa học nhất định và xếp nó vào các họ, bộ, mà thực chất là *xác định vị trí của nó trong hệ thống phát sinh của giới thực vật*.

Chỉ có dựa trên cơ sở xác định này, chúng ta mới có thể sử dụng được những thành tựu của ngành hệ thống học hóa để dự đoán về thành phần hóa học, và quan trọng hơn, là kiểu trao đổi chất của loài đó căn cứ vào thành phần hóa học và kiểu trao đổi chất đã biết ở những loài có quan hệ họ hàng. Vì vậy, để phục vụ cho công tác này, khoa học tài nguyên thực vật cần phải có một bộ sách *Hệ thực vật* (hay nhiều khi gọi là *Thực vật chí*), trong đó trình bày không chỉ kết quả điều tra phát hiện toàn bộ các loài thực vật gặp ở nước ta kèm theo tên gọi, bằng mô tả các đặc điểm hình thái, sự phân bố v.v..., mà điều chủ yếu là phản ánh được đến mức tối đa *hệ thống phát sinh của tất cả các loài cũng như các taxon cao hơn và xây dựng những khoa định loại dựa trên cơ sở hệ thống phát sinh đó*. Ở đây, chúng tôi thấy cần lưu ý là một số người đã quan niệm tách rời nhiệm vụ xây dựng bộ *Hệ thực vật* (họ gọi là nhiệm vụ phân loại thực vật) với việc nghiên cứu những vấn đề phát sinh hệ thống và xây dựng hệ thống phát sinh, cho nhiệm vụ đầu nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể do thực tiễn đề ra, còn việc sau thuộc về phạm vi lí luận, coi nó như một môn hàng xa xỉ đối với các nước có nền kinh tế chậm phát